

**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT
HẬU GIANG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8 – 9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 – 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ sổ Kiến thiết Hậu Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

BAN QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Ban quản lý, Kiểm soát viên và Ban Giám đốc Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Chủ tịch Công ty

Ông Nguyễn Hữu Ái

Chủ tịch

Kiểm soát viên

Ông Lê Văn Thắng

Kiểm soát viên

Ông Nguyễn Hoàng Nam

Kiểm soát viên

Ban Giám đốc và Kế Toán trưởng

Ông Nguyễn Thái Bình

Giám đốc

Ông Võ Minh Duy

Phó Giám đốc

Bà Lê Thị Diễm Trang

Phó Giám đốc

Ông Huỳnh Thanh Liêm

Kế toán trưởng

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Hữu Ái chức vụ Chủ tịch Công ty và Ông Nguyễn Thái Bình chức danh Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151, đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



NGUYỄN THÁI BÌNH – Giám đốc

Tiền Giang, ngày 06 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT HẬU GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang, được lập ngày 06 tháng 02 năm 2021, từ trang 6 đến trang 35 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Công ty Xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hậu Giang đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 tại ngày 04 tháng 02 năm 2020.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2021

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN THỊ THƠM – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

LÊ THỊ BÍCH NGỌC – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1817-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B01-XS

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		623.644.662.662	614.235.048.945
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	148.911.046.173	282.007.708.562
1. Tiền	111		58.864.046.173	79.826.162.715
2. Các khoản tương đương tiền	112		90.047.000.000	202.181.545.847
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	322.839.095.904	186.584.795.016
Đầu tư ngắn hạn	121		322.839.095.904	186.584.795.016
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		144.548.015.166	139.281.769.518
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	121.408.767.558	106.528.623.797
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	19.659.888.516	31.073.206.516
3. Các khoản phải thu khác	135	V.5	3.529.239.122	1.729.819.235
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.6	(49.880.030)	(49.880.030)
IV. Hàng tồn kho	140		1.282.236.059	2.357.113.697
Hàng tồn kho	141	V.7	1.282.236.059	2.357.113.697
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.064.269.360	4.003.662.152
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	6.064.269.360	4.003.662.152
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		120.267.017.495	108.678.147.668
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		114.308.089.695	100.452.707.455
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	14.994.241.606	14.772.675.094
- Nguyên giá	222		31.718.450.275	30.140.719.783
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.724.208.669)	(15.368.044.689)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	39.248.570.405	39.248.570.405
- Nguyên giá	228		39.792.820.405	39.792.820.405
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(544.250.000)	(544.250.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	60.065.277.684	46.431.461.956
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	5.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		5.000.000.000	7.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		958.927.800	1.225.440.213
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	958.927.800	1.225.440.213
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		743.911.680.157	722.913.196.613

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		130.301.769.705	173.901.275.597
I. Nợ ngắn hạn	310		130.301.769.705	173.901.275.597
1. Phải trả người bán	312	V.12	172.670.000	202.611.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	74.609.941.822	97.695.770.830
3. Phải trả người lao động	315		261.076.592	234.436.567
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	144.449.088	8.601.300.000
5. Dự phòng rủi ro trả thưởng	321	V.15	49.347.886.200	62.618.686.200
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.16	5.765.746.003	4.548.471.000
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.17	613.609.910.452	549.011.921.016
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	345.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	55.000.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		213.609.910.452	149.011.921.016
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		743.911.680.157	722.913.196.613

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp	V.18	265.468.000.331	149.026.952.620
2. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết	V.18	100.000.000.000	80.000.000.000

Hậu Giang, ngày 06 tháng 02 năm 2021


NGUYỄN THÁI BÌNH
Giám đốc

HUỲNH THANH LIÊM
Kế toán trưởng

NGUYỄN HOÀNG THẮNG
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B02-XS

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu (01 = 01.1 + 01.2)	1	VI.1	2.909.830.149.004	2.644.783.721.818
1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		2.909.275.481.822	2.644.274.054.544
1.1.1. Xổ số truyền thống	01.1.1		2.909.275.481.822	2.644.274.054.544
1.2. Doanh thu khác	01.2		554.667.182	509.667.274
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.2	379.470.715.046	344.905.311.450
2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số:	02.1		379.470.715.046	344.905.311.450
2.1.1. Xổ số truyền thống	02.1.1		379.470.715.046	344.905.311.450
* Thuế GTGT			-	-
* Thuế tiêu thụ đặc biệt			379.470.715.046	344.905.311.450
2.1.2. Xổ số cào	02.1.2		-	-
2.1.3. Xổ số bốc	02.1.3		-	-
2.1.4. Xổ số lô tô	02.1.4		-	-
2.1.5. Xổ số điện toán	02.1.5		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		2.530.359.433.958	2.299.878.410.368
3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		2.529.804.766.776	2.299.368.743.094
3.1.1. Xổ số truyền thống	10.1.1		2.529.804.766.776	2.299.368.743.094
3.1.2. Xổ số cào	10.1.2		-	-
3.1.3. Xổ số bốc	10.1.3		-	-
3.1.4. Xổ số lô tô	10.1.4		-	-
3.1.5. Xổ số điện toán	10.1.5		-	-
3.2. Doanh thu khác	10.2		554.667.182	509.667.274
4. Chi phí kinh doanh (11 = 11.1 + 11.2)	11	VI.3	2.061.777.954.990	1.848.359.877.036
4.1. Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		2.061.777.954.990	1.848.359.877.036
4.1.1. Chi phí trả thưởng	11.1.1		1.526.723.200.000	1.304.471.000.000
4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		535.054.754.990	543.888.877.036
4.2. Giá vốn hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ đã bán	11.2		-	-
5. Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		468.581.478.968	451.518.533.332
5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số (20.1 = 10.1 - 11.1)	20.1		468.026.811.786	451.008.866.058
5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác (20.2 = 10.2 - 11.2)	20.2		554.667.182	509.667.274
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	15.478.019.623	12.061.355.653
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	-	(163.563.489)
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	205.388.279.180	199.527.259.209
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 24 - 25)	30		278.671.219.411	264.216.193.265

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Kết quả hoạt động kinh doanh (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
11. Thu nhập khác	31		67.681.826	187.045.454
12. Chi phí khác	32		26.033	34.388.124
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	VI.7	67.655.793	152.657.330
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		278.738.875.204	264.368.850.595
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	56.132.380.340	53.241.019.776
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		222.606.494.864	211.127.830.819

Hậu Giang, ngày 06 tháng 02 năm 2021

NGUYỄN THÁI BÌNH
Giám đốcHUỲNH THANH LIÊM
Kế toán trưởngNGUYỄN HOÀNG THẮNG
Người lập biểu

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B03-XS

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		278.738.875.204	264.368.850.595
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		2.035.118.124	2.403.409.623
- Các khoản dự phòng	03		-	49.880.030
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(15.543.201.441)	(12.061.355.653)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		265.230.791.887	254.760.784.595
- Tăng các khoản phải thu	09		(5.266.245.648)	2.302.507.440.030
- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10		1.074.877.638	481.112.459
- (Giảm) các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và chi phí lãi vay phải trả)	11		(72.306.130.626)	(84.913.953.963)
- (Tăng)/ Giảm chi phí trả trước	12		(1.794.094.795)	600.108.358
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(93.241.020.045)	(37.230.371.356)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.779.309.409)	(2.160.714.876.577)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		85.918.869.002	275.490.243.546
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(15.909.435.363)	(30.069.958.137)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		65.181.818	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(69.637.376.453)	(229.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	120.689.083.020
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi ngân hàng, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.478.019.623	12.061.355.653
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(70.003.610.375)	(126.319.519.464)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(149.011.921.016)	(132.698.660.602)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(149.011.921.016)	(132.698.660.602)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(133.096.662.389)	16.472.063.480
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		282.007.708.562	265.535.645.082
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	148.911.046.173	282.007.708.562



NGUYỄN THÁI BÌNH
Giám đốc

HUỲNH THANH LIÊM
Kế toán trưởng

NGUYỄN HOÀNG THẮNG
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09-XS

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hậu Giang là một doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6406000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 05 tháng 02 năm 2004 (Được chia tách từ Công ty xổ số kiến thiết thuộc Ủy Ban nhân dân tỉnh Cần Thơ theo Quyết định số 58/2004/QĐ – UB ngày 20 tháng 01 năm 2004 và Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2009 chuyển đổi Công ty Xổ số Kiến thiết tỉnh Hậu Giang thành Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Xổ số Kiến thiết Hậu Giang của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hậu Giang) và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh số 59/GCN-KDXS do Bộ Tài chính cấp ngày 27 tháng 10 năm 2008.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ ba số 1800545163 ngày 30 tháng 3 năm 2011, chuẩn y việc bổ sung vốn điều lệ từ 109.000.000.000 VND lên 159.000.000.000 VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ tư số 1800545163 ngày 04 tháng 4 năm 2012, chuẩn y việc điều chỉnh vốn điều lệ từ 159.000.000.000 VND lên 209.000.000.000 VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ năm số 1800545163 ngày 31 tháng 01 năm 2013, chuẩn y việc bổ sung ngành nghề;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ sáu số 1800545163 ngày 02 tháng 11 năm 2016, chuẩn y việc điều chỉnh vốn điều lệ từ 209.000.000.000 VND lên 300.000.000.000 VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ bảy số 1800545163 ngày 29 tháng 01 năm 2018 chuẩn y việc điều chỉnh chức danh của người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ chín số 1800545163 ngày 17 tháng 12 năm 2019 chuẩn y việc điều chỉnh vốn điều lệ từ 300.000.000.000 VND lên 345.000.000.000 VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ mười số 1800545163 ngày 31 tháng 12 năm 2019 chuẩn y việc điều chỉnh vốn điều lệ từ 345.000.000.000 VND lên 400.000.000.000 VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ mười một số 1800545163 ngày 20 tháng 02 năm 2020 chuẩn y việc thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty.

Hình thức sở hữu vốn : Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên

Chủ sở hữu Công ty : Ủy ban Nhân dân tỉnh Hậu Giang

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Vốn điều lệ** : 400.000.000.000 VND

Danh sách Công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

<u>Stt</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>
1.	Công ty TNHH MTV DV in Hậu Giang	Cụm Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, Phường 7, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang	40,00%	40,00%

- Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Số 151, đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
Điện thoại : 0292 - 3740344 – 3813550 - 3820049-3815029
Fax : 0292- 3740344
Mã số thuế : 1800545163

2. Lĩnh vực kinh doanh

Doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực độc quyền tự nhiên.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xổ số kiến thiết (Mã ngành 9200).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

6. Nhân viên

Số lượng người lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 110 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 100 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là kỳ kế toán năm thứ 17 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với Công ty xổ số kiến thiết và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Các báo cáo tài chính được soạn lập dựa theo nguyên tắc giá gốc và cơ sở dồn tích.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của công ty liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán như khoản phải thu không mang tính thương mại là khoản thuế GTGT nhà thầu chưa kê khai và phải thu cho mượn tiền.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền lẻ và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ngày Báo cáo tài chính. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị quản lý	03 - 05
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	06

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán

Quyền sử dụng đất toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao. Phần mềm kế toán đã tính khấu hao hết.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện xây dựng cơ bản các công trình, tài sản chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính năm.

Chi phí đầu tư, xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng,... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính năm.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước tiền quảng cáo, công cụ dụng cụ.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào "chi phí trả trước ngắn hạn"; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào "chi phí trả trước dài hạn".

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ như các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

12. Dự phòng rủi ro trả thưởng

Theo quy định tại Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, điều kiện được trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng là khi trong kỳ trích lập doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Theo thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số, tỷ lệ trả thưởng đối với xổ số truyền thống là 50%.

Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính.

Mức trích lập được xác định như sau: $D_{Ptt} = D_T \times T_{Lkh} - T_{Ttt}$

Trong đó:

- D_{Ptt} : Mức trích dự phòng trả thưởng của từng loại hình xổ số;
- D_T : Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập;
- T_{Lkh} : Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định đối với từng loại hình xổ số;
- T_{Ttt} : Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

Đối với các công ty xổ số kiến thiết hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam, mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không vượt quá 3% tổng doanh thu

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập. Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong năm vượt giới hạn trên, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải hoàn nhập vào thu nhập khác. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ đầu tư.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Giá vốn kinh doanh

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá vốn kinh doanh là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Giá vốn hàng bán của doanh nghiệp kinh doanh xổ số bao gồm các loại chi phí sau:

- Chi phí trả thưởng;
- Chi phí trực tiếp phát hành vé, bao gồm:
 - Chi phí hoa hồng đại lý;
 - Chi phí quay số mở thưởng, giám sát;
 - Chi phí chống số đề;
 - Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng;
 - Chi phí vé số;
 - Chi phí trực tiếp phát hành khác.

16. Ghi nhận chi phí tiền lương

Quỹ tiền lương thực hiện của viên chức quản lý trong năm được xác định tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty, kiểm soát viên, tổng giám đốc hoặc giám đốc, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc, kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động trong năm được xác định tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

17. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	6.611.796.773	16.342.930.890
Tiền gửi ngân hàng	52.252.249.400	63.483.231.825
Các khoản tương đương tiền (*)	90.047.000.000	202.181.545.847
Cộng	148.911.046.173	282.007.708.562

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 3 - 3,5%/năm (năm 2019 : 4,9 - 5%/năm).

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	322.839.095.904	322.839.095.904	186.584.795.016	186.584.795.016
Cộng	322.839.095.904	322.839.095.904	186.584.795.016	186.584.795.016

Tiền gửi kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỞ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ in Hậu Giang (v)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	7.000.000.000	-	7.000.000.000
Cộng	5.000.000.000	-	5.000.000.000	7.000.000.000	-	7.000.000.000

Thông tin chi tiết về công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Tên công ty kiến doanh, liên kết	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ in Hậu Giang (i)	Lô 12 Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, Phường 7, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang	Sản xuất, thương mại	40,00%	5.000.0000.0000	-	5.000.0000.0000	40%	7.000.0000.0000
Cộng				5.000.0000.0000	-	5.000.0000.0000		7.000.0000.0000

(i) Đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ in Hậu Giang với giá trị vốn góp là 7.000.000.000 VND chiếm tỷ lệ 40%. Trong năm 2020 đơn vị điều chỉnh giảm phần vốn góp của công ty TNHH MTV XS&KT Hậu Giang tại Công ty TNHH TM&DV in Hậu Giang theo Quyết định số 415/QĐ-XS&KT_31/12/2020 chiếm tỷ lệ 40% vốn điều lệ của công ty này. Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ in Hậu Giang có trụ sở Lô 12 Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, Phường 7, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang hoạt động kinh doanh chính là in ấn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Phải thu của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu đại lý bán vé số	121.408.767.558	106.528.623.797
Cộng	121.408.767.558	106.528.623.797

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty CP In Tổng Hợp Cần Thơ	17.998.749.883	25.024.999.883
CTy CP Kiến trúc Thương Mại Nam Quang Huy	903.387.480	903.387.480
Công Ty TNHH TV XD Triều Phát	278.795.700	278.795.700
Công ty TNHH TM và DV Huỳnh Trần	-	4.029.957.000
Khách hàng khác	478.955.453	836.066.453
Cộng	19.659.888.516	31.073.206.516

5. Phải thu khác ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng nhân viên	332.318.222	-	723.840.760	-
Công ty TNHH TM & DV in Hậu Giang	2.000.000.000	-	-	-
Phải thu (trả thưởng)	175.900.000	-	95.800.000	-
Thuế thu nhập đại lý	1.021.020.900	-	910.178.475	-
Cộng	3.529.239.122	-	1.729.819.235	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỞ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị		Giá trị có	
	Giá gốc	hồi	Giá gốc	thể thu hồi
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	49.880.030	-	49.880.030	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	49.880.030	-	49.880.030	-
Ông Đặng Bộ	17.368.056	-	(17.368.056)	-
Ông Huỳnh Phú Long	32.511.974	-	(32.511.974)	-
Cộng	49.880.030	-	(49.880.030)	-

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa khuyến mãi	1.282.236.059	-	2.357.113.697	-
Cộng	1.282.236.059	-	2.357.113.697	-

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	TSCĐ Khác	Cộng
Nguyên giá	16.450.397.552	971.075.681	8.682.196.843	4.037.049.707	-	-	30.140.719.783
Số đầu năm	-	109.002.000	1.297.555.908	151.726.273	395.540.000	321.795.454	2.275.619.635
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	109.002.000	1.297.555.908	151.726.273	395.540.000	321.795.454	2.275.619.635
Giảm trong năm	-	-	676.249.143	-	21.640.000	-	697.889.143

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cây lâu năm, sức vật làm việc và cho sản phẩm	TSCĐ Khác	Cộng
- Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	-	676.249.143	-	-	-	676.249.143
- Giảm khác	-	-	-	-	21.640.000	-	21.640.000
Số cuối năm	16.450.397.552	1.080.077.681	9.303.503.608	4.188.775.980	373.900.000	321.795.454	31.718.450.275
Hao mòn lũy kế							
Số đầu năm	4.559.434.902	945.334.259	6.229.849.305	3.633.426.223	-	-	15.368.044.689
Tăng trong năm	607.571.736	27.479.388	1.005.790.446	349.655.641	33.863.337	10.757.576	2.035.118.124
Khấu hao trong năm	607.571.736	27.479.388	1.005.790.446	349.655.641	33.863.337	10.757.576	1.990.497.211
Giảm trong năm/kỳ	-	-	676.249.143	-	2.705.001	-	678.954.144
Thanh lý, nhượng bán	-	-	676.249.143	-	-	-	676.249.143
Giảm khác	-	-	-	-	2.705.001	-	2.705.001
Số cuối năm	5.167.006.638	972.813.647	6.559.390.608	3.983.081.864	31.158.336	10.757.576	16.724.208.669
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	11.890.962.650	25.741.422	2.452.347.538	403.623.484	-	-	14.772.675.094
Số cuối năm	11.283.390.914	107.264.034	2.744.113.000	205.694.116	342.741.664	311.037.878	14.994.241.606
Nguyên giá của tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng							
Số đầu năm	1.468.788.830	913.157.499	3.418.205.779	2.527.701.084	-	-	8.327.853.192
Số cuối năm	1.468.788.830	913.157.499	3.766.443.636	3.802.204.652	-	-	9.950.594.617

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình thể hiện các quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán của Công ty, các quyền sử dụng đất của Công ty không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	39.248.570.405	544.250.000	39.792.820.405
Tăng trong năm/kỳ	-	-	-
Giảm trong năm/kỳ	-	-	-
Số cuối năm	39.248.570.405	544.250.000	39.792.820.405
Hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	-	544.250.000	544.250.000
Tăng trong năm/kỳ	-	-	-
Giảm trong năm/kỳ	-	-	-
Số cuối năm	-	544.250.000	544.250.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	39.248.570.405	-	39.248.570.405
Số cuối năm	39.248.570.405	-	39.248.570.405
Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
Số đầu năm	-	544.250.000	544.250.000
Số cuối năm	-	544.250.000	544.250.000

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang	60.065.277.684	46.431.461.956
Công trình xây trụ sở Công ty xổ số tại Hậu Giang	49.715.597.580	36.081.781.852
Giá trị Quyền sử dụng đất tại Hậu Giang	10.349.680.104	10.349.680.104
Cộng	60.065.277.684	46.431.461.956

11. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	6.064.269.360	4.003.662.152
Công cụ dụng cụ	325.346.363	-
Chi phí quảng cáo hoạt động xổ số kiến thiết	5.738.922.997	4.003.662.152
b) Dài hạn	958.927.800	1.225.440.213
Công cụ dụng cụ	958.927.800	1.225.440.213
Cộng	7.023.197.160	5.229.102.365

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP tư vấn đầu tư XDCT	23.414.000	23.414.000	23.414.000	23.414.000
Công ty TNHH Kiến trúc Hậu Giang	29.256.000	29.256.000	29.256.000	29.256.000
Công ty TNHH May Thêu Giày An Phước	-	-	29.941.000	29.941.000
Đài Phát Thanh và Truyền Hình tỉnh Hậu Giang	120.000.000	120.000.000	120.000.000	120.000.000
Cộng	172.670.000	172.670.000	202.611.000	202.611.000

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp	22.204.213.617	283.082.052.759	279.863.312.388	25.422.953.988
Thuế tiêu thụ đặc biệt	28.994.855.323	379.470.715.038	374.697.507.510	33.768.062.851
Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.241.020.045	56.132.380.340	93.241.020.045	6.132.380.340
Thuế thu nhập cá nhân	3.255.681.845	114.526.203.349	108.495.340.551	9.286.544.643
Thuế thu nhập cá nhân CNV	1.377.289.055	3.519.590.624	4.653.363.201	243.516.478
Thuế thu nhập cá nhân đại lý	1.878.392.790	24.001.522.725	23.699.617.350	2.180.298.165
Thuế thu nhập từ người trúng thưởng vé số	-	87.001.140.000	80.142.360.000	6.858.780.000
Thuế thu nhập cá nhân Hội đồng giám sát	-	3.950.000	-	3.950.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	4.646.322	4.646.322	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
+ Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	97.695.770.830	833.218.997.808	856.304.826.816	74.609.941.822

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán

	Số đầu năm	Số cuối năm
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	97.695.770.830	74.609.941.822

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10%

- Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh VI.8

- Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo quy định hiện hành.

14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế TNCN thu nhập người trúng thưởng	-	8.494.500.000
Thuế TNCN Hội đồng giám sát xổ số	-	6.800.000
Chi phúc lợi cho nhân viên	144.449.088	100.000.000
Cộng	144.449.088	8.601.300.000

15. Dự phòng rủi ro trả thưởng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	62.618.686.200	-
Số trích trong năm	-	62.618.686.200
Số kết chuyển sang chi phí trả thưởng	(13.270.800.000)	-
Số cuối năm	49.347.886.200	62.618.686.200

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Thu hoàn lại tiền thưởng</u>	<u>Hạch toán bù trừ TK 3534 Quỹ KT BAN QLDH</u>	<u>Hạch toán hỗ trợ thuế TNCN cho CN và HĐQT</u>	<u>Chi trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Năm trước							
Quỹ khen thưởng	2.065.270.598	4.190.570.732	-	-	209.750.610	3.008.105.86	3.037.984.855
Quỹ phúc lợi	1.094.475.584	2.577.782.571	-	136.500.000	4.426.620	2.406.098.642	1.125.232.893
Quỹ thưởng BLQ điều hành	57.654.690	347.556.500	38.760.585	136.500.000	13.230.778	181.987.745	385.253.252
Cộng	3.217.400.872	7.115.909.803	38.760.585	-	227.408.008	5.596.192.252	4.548.471.000
Năm nay							
Quỹ khen thưởng	3.037.984.855	5.118.140.909	-	-	-	3.292.100.000	4.864.025.764
Quỹ phúc lợi	1.125.232.893	3.412.093.939	-	-	-	4.093.843.009	443.483.823
Quỹ thưởng BLQ điều hành	385.253.252	466.349.564	-	-	-	393.366.400	458.236.416

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Thu hoàn lại tiền thưởng	Hạch toán bù trừ TK 3534 Quỹ KT BAN QLDH	Hạch toán hỗ trợ thuế TNCN cho CN và HĐQT	Chi trong năm	Số cuối năm
Cộng	4.548.471.000	8.996.584.412	-	-	-	7.779.309.409	5.765.746.003

17. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<u>Năm trước</u>				
Số đầu năm	300.000.000.000	45.000.000.000	132.698.660.602	477.698.660.602
Lãi trong năm trước	-	-	211.127.830.819	211.127.830.819
Điều chỉnh tăng vốn từ Quỹ đầu tư Phát triển	45.000.000.000	(45.000.000.000)	-	-
Nộp lợi nhuận năm 2018	-	-	(132.698.660.602)	(132.698.660.602)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	55.000.000.000	(55.000.000.000)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng	-	-	(4.190.570.732)	(4.190.570.732)
Trích lập Quỹ phúc lợi	-	-	(2.577.782.571)	(2.577.782.571)
Trích lập Quỹ thưởng BLQ điều hành	-	-	(347.556.500)	(347.556.500)
Số cuối năm	345.000.000.000	55.000.000.000	149.011.921.016	549.011.921.016
<u>Năm nay</u>				
Số đầu năm	345.000.000.000	55.000.000.000	149.011.921.016	549.011.921.016
Lãi trong năm nay	-	-	222.606.494.864	222.606.494.864
Điều chỉnh tăng vốn từ Quỹ đầu tư Phát triển	55.000.000.000	(55.000.000.000)	-	-
Nộp lợi nhuận năm 2019	-	-	(149.011.921.016)	(149.011.921.016)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
Trích lập Quỹ khen thưởng	-	-	(5.118.140.909)	(5.118.140.909)
Trích lập Quỹ phúc lợi	-	-	(3.412.093.939)	(3.412.093.939)
Trích lập Quỹ thưởng BLQ điều hành	-	-	(466.349.564)	(466.349.564)
Số cuối năm	400.000.000.000	-	213.609.910.452	613.609.910.452

Cơ cấu vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ của Công ty đã được chủ đầu tư góp đủ theo chi tiết như sau:

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Theo Giấy chứng nhận đầu tư	Vốn góp tại ngày 31/12/2020	Vốn góp tại ngày 31/12/2019
UBND tỉnh Hậu Giang	400.000.000.000	400.000.000.000	345.000.000.000
Cộng	400.000.000.000	400.000.000.000	345.000.000.000

18. Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp	265.468.000.331	149.026.952.620
Doanh số phát hành xổ số kiến thiết	100.000.000.000	80.000.000.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh xổ số	2.909.275.481.822	2.644.274.054.544
Doanh thu kinh doanh khác	554.667.182	509.667.274
Cộng	2.909.830.149.004	2.644.783.721.818

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Thuế tiêu thụ đặc biệt kinh doanh xổ số	379.470.715.046	344.905.311.450
Cộng	379.470.715.046	344.905.311.450

3. Chi phí kinh doanh

Chi phí trả thưởng	1.526.723.200.000	1.304.471.000.000
Chi phí trực tiếp phát hành xổ số (*)	535.054.754.990	543.888.877.036
Cộng	2.061.777.954.990	1.848.359.877.036

(*) Chi phí trực tiếp phát hành xổ số bao gồm:

Chi phí hoa hồng đại lý	482.036.645.900	438.007.920.200
Chi phí quay số mở thưởng, giám sát	2.877.050.000	4.733.054.774
Chi phí chống số đề	116.150.000	305.229.500
Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng	-	62.618.686.200
Chi phí về vé xổ số	46.200.000.000	37.100.000.000
Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	2.996.454.546	440.750.000
Chi phí đóng góp cho HĐXS khu vực	60.000.000	60.000.000
Chi phí trực tiếp phát hành khác	768.454.544	623.236.362
Cộng	535.054.754.990	543.888.877.036

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	15.478.019.623	12.061.355.653
Cộng	15.478.019.623	12.061.355.653

5. Chi phí tài chính

Giảm chi phí dự phòng tài chính Công ty in Hậu Giang	-	(163.563.489)
Cộng	-	(163.563.489)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	43.900.826.476	39.567.793.460
Chi phí vật liệu quản lý	1.213.184.218	1.296.369.113
Chi phí đồ dùng văn phòng	459.989.589	429.342.537
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.035.118.124	2.403.409.623
Thuế, phí và lệ phí	249.548.225	262.417.278
Chi phí dự phòng	-	49.880.030
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.574.348.746	1.180.750.331
Chi phí bằng tiền khác	155.955.263.802	154.337.296.837
Cộng	205.388.279.180	199.527.259.209

7. Lợi nhuận (lỗ) khác

Thanh lý TSCĐ	65.181.818	187.045.454
Thu nhập khác	2.500.008	-
Thu nhập khác	67.681.826	187.045.454
Chi khác	26.033	34.388.124
Chi phí khác	26.033	34.388.124
	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	67.655.793	152.657.330

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	278.738.875.204	264.368.850.595
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	1.923.026.500	1.836.248.282
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.923.026.500	1.836.248.282
- Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập DN	1.923.026.500	1.836.248.282
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	280.661.901.704	266.205.098.877
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	56.132.380.340	53.241.019.776

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỞ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	1.213.184.218	1.296.369.113
Chi phí nhân viên	43.900.826.476	39.567.793.460
Chi phí đồ dùng văn phòng	459.989.589	429.342.537
Chi phí khấu hao	2.035.118.124	3.026.645.985
Chi phí dịch vụ mua ngoài	155.955.263.802	154.337.296.837
Chi phí bằng tiền khác	2.063.601.851.961	1.849.229.688.313
Cộng	2.267.166.234.170	2.047.887.136.245

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	4.646.322	4.646.322
Sau 5 năm	213.730.812	209.084.490
Cộng	218.377.134	213.730.812

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

Tổng số tiền thuê 124,7 m² tại Khu vực 2, Phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, đường 3 tháng 2, đoạn từ Cầu Miếu đến Trụ sở Công an tỉnh Hậu Giang của UBND tỉnh Hậu Giang theo Hợp đồng thuê đất số 1636/HĐTD ngày 03 tháng 5 năm 2018 được ký với thời hạn 50 năm tính từ ngày 19 tháng 12 năm 2017, đơn giá thuê 4.646.322 VND/năm.

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan**Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan**Mối quan hệ**

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ in Hậu Giang Công ty nắm giữ 40,00% vốn điều lệ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ in Hậu Giang		
Mua hàng hóa	-	2.804.709.091
Phải thu thoái vốn	2.000.000.000	-
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ in Hậu Giang		
Phải thu	2.000.000.000	199.500.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.452.028.831	2.929.353.142
Cộng	<u>2.452.028.831</u>	<u>2.929.353.142</u>

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của nhà nước thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, đầu tư và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	148.911.046.173	148.911.046.173	282.007.708.562	282.007.708.562
Đầu tư tài chính	327.839.095.904	327.839.095.904	193.584.795.016	193.584.795.016
Phải thu của khách hàng	121.408.767.558	121.408.767.558	106.528.623.797	106.528.623.797
Phải thu khác	3.529.239.122	3.529.239.122	1.729.819.235	1.729.819.235
Cộng	601.688.148.757	601.688.148.757	583.850.946.610	583.850.946.610
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	172.670.000	172.670.000	202.611.000	202.611.000
Phải trả khác	144.449.088	144.449.088	8.601.300.000	8.601.300.000
Cộng	317.119.088	317.119.088	8.803.911.000	8.803.911.000

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Xổ sổ kiến thiết là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực độc quyền tự nhiên. Nhà nước quản lý hoạt động kinh doanh của các Công ty xổ sổ kiến thiết. Bộ tài chính qui định địa bàn kinh doanh, thị trường tiêu thụ, lịch quay mở thưởng, mệnh giá tờ vé, giá trị vé phát hành, tỷ lệ trả thưởng... cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	148.911.046.173	-	-	148.911.046.173
Đầu tư tài chính	322.839.095.904	-	5.000.000.000	327.839.095.904
Phải thu của khách hàng	121.408.767.558	-	-	121.408.767.558
Phải thu khác	3.529.239.122	-	-	3.529.239.122
Cộng	596.688.148.757	-	5.000.000.000	601.688.148.757
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	172.670.000	-	-	172.670.000
Phải trả khác	144.449.088	-	-	144.449.088
Cộng	317.119.088	-	-	317.119.088
Chênh lệch thanh khoản thuần	596.371.029.669	-	5.000.000.000	601.371.029.669
Số đầu năm				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	282.007.708.562	-	-	282.007.708.562
Đầu tư tài chính	186.584.795.016	-	7.000.000.000	193.584.795.016
Phải thu của khách hàng	106.528.623.797	-	-	106.528.623.797
Phải thu khác	1.729.819.235	-	-	1.729.819.235
Cộng	576.850.946.610	-	7.000.000.000	583.850.946.610
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	202.611.000	-	-	202.611.000
Phải trả khác	8.601.300.000	-	-	8.601.300.000
Cộng	8.803.911.000	-	-	8.803.911.000
Chênh lệch thanh khoản thuần	568.047.035.610	-	7.000.000.000	575.047.035.610

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT HẬU GIANG

Số 151 đường 3/2, Phường V, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty TNHH MTV Xổ sổ Kiến thiết Hậu Giang đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học TP. HCM, một số chỉ tiêu đã được trình bày lại để đảm bảo thông tin so sánh như sau:

Bảng cân đối kế toán

	Số đầu năm (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Số đầu năm (Đã được trình bày lại)
TÀI SẢN NGẮN HẠN			
Phải thu ngắn hạn khác	1.005.978.475	723.840.760	1.729.819.235
Hàng tồn kho	3.582.553.910	(1.225.440.213)	2.357.113.697
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	4.003.662.152	4.003.662.152
Tài sản ngắn hạn khác	723.840.760	(723.840.760)	-

TÀI SẢN DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn	4.003.662.152	(2.778.221.939)	1.225.440.213
---------------------------	---------------	-----------------	---------------

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm trước (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm trước (Đã được trình bày lại)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	(30.069.958.137)	(30.069.958.137)
Tiền thu lãi ngân hàng, cổ tức và lợi nhuận được chia	8.192.948.850	3.868.406.803	12.061.355.653

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Hậu Giang, ngày 06 tháng 02 năm 2021



NGUYỄN THÁI BÌNH
Giám đốc

HUỲNH THANH LIÊM
Kế toán trưởng

NGUYỄN HOÀNG THẮNG
Người lập biểu

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo